TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DSST
Ngày: 27/4/2023
V/v tranh chấp: "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Kiệt
2. Ông Dương Vương Đạo

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-DS, ngày 21/12/2022, về việc tranh chấp: "*Đòi lại tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- DS, ngày 29 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS, ngày 13/4/2023; giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1966.
Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

(Bà R xin vắng mặt, ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:***

Năm 2018, cụ Nguyễn Thị T (là mẹ tôi) có thế chấp quyền sử dụng đất do cụ T đứng tên, tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tân Phú Đông để vay số tiền là 20.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay tiền là cho ông Nguyễn Văn P mượn tiền. Sau khi cụ T vay được tiền đã đưa

20.000.000 đồng cho ông P mượn và có thỏa thuận, ông P phải trả lại tiền vốn và tiền lãi để cụ T trả tiền cho ngân hàng khi đến hạn.

Khi đến thời hạn trả tiền cho Ngân hàng, ông P không trả cho cụ T nên cụ T không có tiền trả cho Ngân hàng. Ngày 03/9/2019 tôi đã bỏ tiền ra trả cho Ngân hàng thay cụ T với số tiền vốn là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 485.205 đồng. Việc tôi trả tiền cho cụ T thay ông P, ông P biết rõ. Ngày 04/08/2020, tại buổi hòa giải của Tổ hòa giải ấp C, xã T, ông P thống nhất trả lại cho tôi 20.485.205 đồng và trả thêm tiền lãi mỗi tháng 700.000 đồng đến khi trả xong tiền cho tôi. Tuy nhiên, đến nay ông P chưa trả lần tiền nào.

Nay ông P còn nợ tôi số tiền 20.485.205 đồng. Tôi yêu cầu ông P trả 20.485.205 đồng và tiền lãi với lãi suất 700.000 đồng/tháng, thời gian từ ngày 03/9/2019 đến ngày 01/12/2022, tổng cộng tiền nợ và tiền lãi là 47.785.205 đồng, yêu cầu một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn P đầy đủ và hợp lệ như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa,… Ông P là người trực tiếp nhận văn bản do Tòa án tống đạt, nhưng ông P không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà R, cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và điều luật áp dụng

Bà Nguyễn Thị R khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn P trả số tiền ông Phẩm còn nợ bà R nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà R xin vắng mặt tại phiên toà; ông P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bà R và ông P.

[2] Về nội dung khởi kiện

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, bà R yêu cầu ông P trả số tiền 20.485.205 đồng do ông P còn nợ bà R theo "*Biên bản hòa giải"* của Tổ hòa giải ấp C, xã T vào lúc 10 giờ 15 phút, ngày 04/08/2020 (bl: 21). Xét thấy, tại "*Biên bản hòa giải"* của Tổ hòa giải ấp C, xã T vào lúc 10 giờ 15 phút, ngày 04/08/2020, ông P trình bày có nợ bà R số tiền 20.485.205 đồng và đồng ý trả bà R 20.485.205 đồng cùng với tiền lãi hàng tháng là 700.000 đồng. Ngày 22/12/2022, ông P đã trực

tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án số 317/TB-TLVA, ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà R là mặc nhiên thừa nhận còn nợ tiền bà R. Do đó, có cơ sở xác định ông P còn nợ bà R số tiền 20.485.205 đồng nên ông P phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà R.

Xét về yêu cầu trả tiền lãi: Bà R yêu cầu ông P trả tiền lãi của số tiền 20.485.205 đồng với lãi suất 700.000 đồng/tháng, thời gian từ ngày 03/9/2019 đến ngày 01/12/2022 thành tiền lãi là 20.300.000 đồng. Xét thấy, theo "*Biên bản hòa giải"* của Tổ hòa giải ấp C, xã T vào lúc 10 giờ 15 phút, ngày 04/08/2020, ông P đồng ý trả tiền lãi với lãi suất 700.000 đồng/ tháng, là cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông P chưa trả tiền lãi cho bà R lần nào. Nay bà R yêu cầu ông P trả tiền lãi mỗi tháng 700.000 đồng, là không chấp nhận hoàn toàn được. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông P trả tiền lãi với mức lãi suất là 0,85%/tháng, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (không vượt quá 10%/ năm), thời gian từ ngày 03/9/2019 đến ngày 01/12/2022 là 39 tháng (làm tròn tháng), thành tiền lãi là 6.631.060 đồng (20.485.205đ x 0,83%/tháng x 39 tháng).

Xét về thời gian trả: Bà R yêu cầu ông P trả tiền làm một lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, từ ngày bà R trả tiền cho Ngân hàng thay ông P là ngày 03/9/2019 và tại buổi hòa giải ở ấp C, xã T là ngày 04/08/2020, ông P hứa trả tiền cho bà R hàng tháng. Nhưng đến nay, ông P cũng chưa trả tiền cho bà R lần nào, là làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà R. Do đó, buộc ông P có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền nợ và tiền lãi tổng cộng là 27.116.265 đồng (20.485.205đ + 6.631.060đ), khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí

Ông P phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà R theo quy định pháp luật. Bà R phải nộp án phí trên số tiền lãi yêu cầu không đươc chấp nhận. Trả lại bà R số tiền tạm ứng án phí chênh lệch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 280, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5 và khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R.

- Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền nợ và tiền lãi tổng cộng là 27.116.265 (*hai mươi bảy triệu một trăm mười sáu nghìn hai trăm sáu mươi lăm)* đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn P nộp 1.355.813 *(một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm mười ba*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị R nộp 1.033.447 *(một triệu không trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi bảy*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.195.000 *(một triệu một trăm chín mươi lăn nghìn*) đồng, theo biên lai số 0008393, ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Trả lại bà R số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 161.553 (*một trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi ba*) đồng.

Đến hạn trả tiền, nếu ông Nguyễn Văn P không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên, thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI